

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

DI CƯ VÀ PHÁT TRIỂN: LAO ĐỘNG DI CƯ VIỆT NAM Ở THÁI LAN

Nguyễn Quý Hạnh*

1. Giới thiệu

“Bây giờ cảnh sát và quân đội đi bắt người bắt kể giờ giấc, 2-3 giờ sáng mà dân hàng rong nhập cư còn phải chạy trốn gần chết. Dân Việt Nam bán trái cây, nước lựu, chanh khu Pratunam - nơi tập trung đông khách du lịch - cũng sợ quá trốn về nước gần hết. Riêng tôi tôi không dám ngủ lại khu trọ nữa mà phải qua nhà một người Thái xin tạm lánh”.⁽¹⁾ Đó là tâm sự đầy lo lắng nói lên muôn vàn khó khăn của làn sóng những người Việt Nam di cư sang Thái Lan lao động không phép, nhất là trong lúc chính phủ Thái Lan tăng cường thắt chặt quản lý tình hình lao động nước ngoài bất hợp pháp tại Thái Lan hiện nay. Người đứng đầu bộ phận nhập cư của cảnh sát Thái Lan phát biểu trên một kênh truyền hình: “Chúng tôi nhận được nhiều khiếu nại về lao động nhập cư bất hợp pháp làm việc ở các khu chợ, trong đó có người Myanmar, Campuchia, Việt Nam và cả một số quốc gia Nam Á. Họ đang cướp công việc của người Thái. Lẽ ra, họ nên làm những công việc mà người Thái không muốn làm như lau dọn nhà cửa”.⁽²⁾

Điều rất mừng là ở kênh cấp cao, chính phủ Thái Lan và Việt Nam đã ký Bản ghi nhớ về hợp tác lao động và Thỏa thuận về phái cử và tiếp nhận lao động giữa hai nước từ tháng 7 năm 2015. Thực thi khung thỏa thuận đó, Thái Lan đồng ý bắt đầu từ tháng 5 năm 2016 tiếp nhận lao động Việt Nam trong hai nghề đánh cá và xây dựng, và xem xét mở các ngành nghề mới.⁽³⁾ Việc đẩy mạnh hợp tác trong lao động này không chỉ là mở ra cánh cửa xuất khẩu lao động cho Việt Nam, mà còn có thể là một giải pháp tiến tới chấm dứt tình trạng lao động bất hợp pháp cũng như bảo vệ quyền lợi của người lao động di cư.

Bài viết này cố gắng kết nối các vấn đề di cư, lao động di cư với các vấn đề về phát triển. Trên nền tảng lý thuyết đó, thông qua phân tích trường hợp nghiên cứu lao động di cư Việt Nam ở Thái Lan, bài viết đưa ra những gợi ý chính sách và hướng nghiên cứu trong thời gian đến.

2. Người Việt di cư sang Thái Lan: Làn sóng di cư thứ tư

Người Việt di cư sang Thái Lan, hoặc Xiêm trước năm 1939, có lịch sử hàng trăm năm và qua nhiều đợt khác nhau. Làn sóng di cư thứ nhất bắt đầu từ giữa

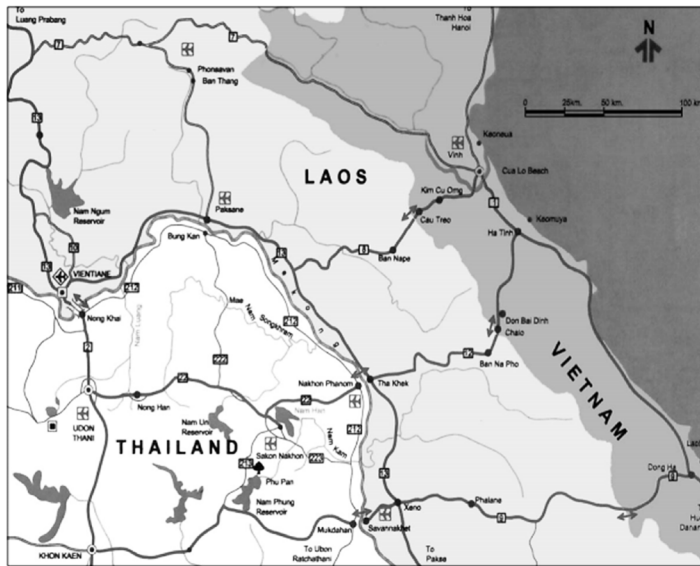
* Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tỉnh Thừa Thiên Huế.

thế kỷ XVII dưới triều đại Ayutthaya khi những người Công giáo Việt Nam tìm đến Thái Lan qua đường vịnh Thái Lan để trốn tình trạng bách hại tôn giáo trong bối cảnh xung đột xảy ra giữa nhà Trịnh và nhà Nguyễn tại Việt Nam. Dưới triều vua Narai (1656-1688), người Việt tại Ayutthaya tiếp tục gia tăng, và tiếp tục sinh sống ở những nơi khác như Bangkok và tỉnh Chanthaburi (Lê Ngọc Đức 2015). Làn sóng này còn bao gồm các đợt di dân dưới triều vua Rama I (1782-1809) khi Nguyễn Phúc Ánh và hàng nghìn quân lính của ông gặp thất bại trong cuộc đối đầu với Tây Sơn phải trốn qua Xiêm để ẩn náu và phát triển lực lượng. Nguyễn Phúc Ánh và quân lính được cho phép ở Ban Ton Samrong, Tambon Khok Krabuu, và sau này là Samsen⁽⁴⁾ và Bangpho ở Bangkok (Sripana 2013). Sau này, nhiều người trong số họ tiếp tục ở lại Thái Lan. Dưới thời vua Rama IV (1851-1864), người chủ trương phát triển vùng Đông Bắc Thái Lan, nhiều người Việt di cư qua đường Lào đến vùng này được khuyến khích ở lại và ổn định cuộc sống như là công dân Thái Lan (Sripana 2004). Những người Việt di dân trong các giai đoạn này được người Thái gọi là *Youn Kao*, nghĩa là người Việt cũ.

Làn sóng di cư thứ hai tập trung trong những năm giữa và sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, nhất là khi Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954) leo thang, lan sang Lào, buộc nhiều người Việt phải trốn sang Thái Lan.⁽⁵⁾ Đến năm 1946, có khoảng 46.700 người Việt Nam di cư sang chủ yếu ở hai tỉnh là Nakhon Phanom và Muddahan và đến năm 1975, con số này là khoảng 80.000 người (Nguyen và Walsh 2014). Những người Việt thuộc làn sóng di cư thứ hai này được gọi là *Yuan Op Pa Yop* (người Việt di cư) hoặc *Yuan May* (người Việt mới). Nghiên cứu của Giáo sư Poole xuất bản năm 1970 cho thấy trong khi nhóm người Việt cũ có xu hướng hòa nhập tốt vào xã hội Thái thì nhóm người Việt mới đang gặp khó khăn về mặt xã hội và chính trị với các thành viên thuộc thế hệ thứ nhất và thứ hai.

Làn sóng di cư thứ 3 diễn ra trong khoảng 1975 đến 1995 theo các dòng người tỵ nạn. Thời báo *Los Angeles Times*, ngày 18/02/1988 viết: “Số người Việt Nam đến Thái Lan bằng đường biển tăng gấp 3 lần so với năm ngoái, theo Văn phòng Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tỵ nạn, hơn 11.000 thuyền nhân Việt Nam đến Thái Lan năm 1987, so với 3.886 người trong năm 1986”. Tuy nhiên, những người này hoặc chuyển sang sống ở một nước thứ ba, hoặc chuyển lại về Việt Nam (Nguyen và Walsh 2014). Hiện tại không có số liệu chính thức về người Việt Nam đến Thái Lan giai đoạn này.

Làn sóng di cư lần thứ tư bắt đầu trong những năm gần đây với đặc trưng là lao động di cư từ các tỉnh miền Trung Việt Nam như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị (xem Hình 1). Ngoài ra, một số lượng nhỏ lao động di cư đến từ các tỉnh phía Bắc như Phú Thọ, Hòa Bình và một số tỉnh miền Nam. Theo Cục Quản lý lao động ngoài nước, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, hiện



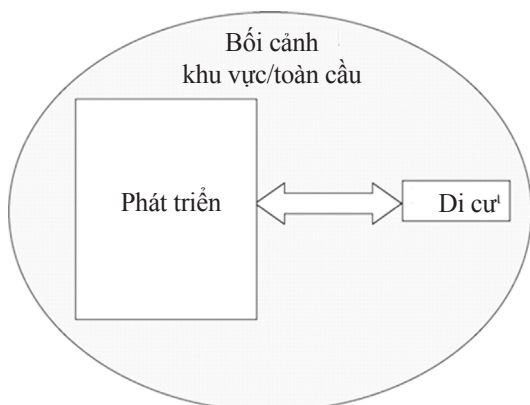
Hình 1: Bản đồ các trục giao thông chính nối miền Trung Việt Nam với Đông Bắc Thái Lan. (Nguồn: Sripana 2013)

Việc triển khai Thỏa thuận hợp tác lao động giữa hai nước trong thời gian tới có thể chuyển làn sóng lao động di dân hiện nay sang một giai đoạn mới cả về số lượng và chất lượng, bao gồm các nhóm lao động có kỹ năng cao, mang lại lợi ích cho cả hai nước (phân tích thêm ở phần 4).

3. Di cư và phát triển: Một số vấn đề về lý thuyết

Tranh luận học thuật và chính sách về mối liên hệ giữa di cư và phát triển hơn nửa thế kỷ qua được Hein de Hass (2007, 2010, 2012) khái quát như con lắc dao động qua lại. Nếu như những thập niên 1950-1960 được cho là thống trị bởi quan niệm lạc quan phát triển (developmentalist optimism), thì những năm 1970-1980 lại chứng kiến sự nổi bật của quan điểm bi quan Mác-xít mới (neo-Marxist pessimism). Quan niệm lạc quan phát triển dựa trên thuyết di cư tân cổ điển cho rằng di cư là một dạng phân bổ tối ưu các giá trị sản xuất đem lại lợi ích cho cả quốc gia gửi đi và tiếp nhận. Người di cư không chỉ đem tiền về mà còn mang lại kiến thức, tư duy mới như là một tác nhân quan trọng của sự thay đổi và đổi mới (innovation). Trong khi đó, các quan điểm bi quan sau này lại dựa trên mô thức lịch sử-cấu trúc (historical-structuralist paradigm) và thuyết phụ thuộc (dependency theory) lập luận rằng di cư đồng nghĩa với chảy máu chất xám, chỉ đem lại lợi ích cho các quốc gia phát triển hoặc nhóm tư bản đô thị ở các nước đang phát triển, dẫn đến “hội chứng di cư” (migrant syndrome) hay vòng luẩn quẩn của di cư → kém phát triển hơn → di cư nhiều hơn, và tiếp diễn. Đó là chưa kể đến tâm lý phụ thuộc vào kiểu hời của những cộng đồng có người di cư, sự phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng và lối sống nông thôn hoặc giảm sự khuyến khích người dân phát triển các ngành nghề truyền thống.

có khoảng 50.000 lao động Việt Nam làm việc tại Thái Lan, chủ yếu ở các lĩnh vực như đánh cá, xây dựng, phục vụ bàn, giúp việc gia đình, bán hàng, đầu bếp, bảo dưỡng xe, may mặc. Người lao động sang Thái Lan làm việc theo diện tự do, dùng thị thực du lịch, theo kiểu “tự phát, người trước đi làm ăn được dắt người đi sau” nên không thể kiểm soát và trong trường hợp gặp rủi ro thì khó có thể can thiệp.⁽⁶⁾



Hình 2: Cách tiếp cận thay thế về mối tác động qua lại giữa di cư và phát triển.
(Nguồn: Wise và Covarrubias 2009).

(2009) đề xuất một cách tiếp cận thay thế để xem xét mối tác động qua lại giữa di cư và phát triển (Hình 2), xem xét (1) các tương tác năng động Bắc-Nam mà không bỏ qua các đặc điểm vùng riêng biệt, (2) tương tác giữa các mức độ không gian (địa phương, quốc gia, khu vực, toàn cầu) và khía cạnh xã hội (kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường), (3) các phương thức liên ngành trong kiến tạo tri thức và xã hội, và (4) khái niệm “phát triển” bao gồm vai trò cần thiết của chuyển đổi xã hội trong việc nâng cao điều kiện sống của người dân thường.

Từ thập niên 1990 trở lại đây, các quan điểm lạc quan hơn về di cư và phát triển lại trỗi dậy. Tuy nhiên, bài học trước đây về sự lạc quan về di cư và phát triển cần được học. De Hass (2010) nhấn mạnh: cần xem xét di cư như (1) là một quá trình không tách rời của các quá trình chuyển đổi bao hàm trong nghĩa “phát triển”, nhưng (2) cũng có những năng động nội tại và tự lực, và (3) tác động lên các quá trình chuyển đổi theo quyền riêng của nó. Wise và Covarrubias

4. Lao động di cư Việt Nam ở Thái Lan: Thực trạng

4.1. Các nhân tố cầu đẩy - cầu kéo

Việc đưa người lao động đi làm ở nước ngoài là một chính sách lớn của Việt Nam nhằm giảm nghèo và phát triển đất nước trong xu thế hội nhập quốc tế, góp phần phát triển quan hệ mọi mặt với các nước trên thế giới trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Nếu trong những năm 1980, Việt Nam tổ chức xuất khẩu lao động chủ yếu sang các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa, như Liên Xô cũ và Đông Âu và một số nước Ả Rập thì hiện nay đã mở rộng thị trường xuất khẩu nhân lực sang Trung Đông, châu Phi, Mỹ và châu Á, đặc biệt là Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc và Nhật Bản. Nếu từ năm 1991 trở về trước, Bộ Lao động độc quyền về xuất khẩu nhân lực và kiểm soát việc đi về của người lao động, từ các tỉnh và các doanh nghiệp xuất cư đến tận nước nhập cư thì thời kỳ sau này, các công ty xuất khẩu lao động nhà nước và tư nhân đóng vai trò chính, họ đến tận những tỉnh vùng sâu vùng xa để tuyển lao động thông qua một mạng lưới nhân viên tạo nguồn (Bruneau 2009). Theo thống kê của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, hiện có khoảng 500.000 lao động Việt Nam tại hơn 40 nước và vùng lãnh thổ, với khoảng 30 ngành nghề khác nhau từ lao động giản đơn đến lao động kỹ thuật cao và chuyên gia. Bình quân mỗi năm, Việt Nam đưa khoảng 80.000 lao động đi làm

việc ở nước ngoài, với lao động nữ ước tính chiếm 30% (Cục Lãnh sự 2011). Tùy vào nước tiếp nhận, công việc của lao động Việt Nam tập trung vào các ngành nghề như sản xuất chế tạo, may mặc, điện tử, giúp việc gia đình, hộ lý, thuyền viên..., và có thu nhập sau chi phí sinh hoạt khoảng 2 - 3 triệu đồng/tháng ở thị trường sử dụng lao động giản đơn như Malaysia, 6 - 7 triệu đồng/tháng tại thị trường có thu nhập trung bình như UAE, và lên đến 15 - 20 triệu đồng/tháng tại Hàn Quốc, Nhật Bản (Cục Lãnh sự 2011).

Tuy nhiên, lao động di cư Việt Nam, bên cạnh chính sách xuất khẩu lao động, lại chịu tác động của nhiều yếu tố đan xen nội tại khác hiện nay, bao gồm quá trình chuyển đổi nông thôn, quá trình công nghiệp hóa và hiện đại và chính sách tổ chức lại không gian dân cư. Như vậy ngoài các kênh lao động di cư chính thức⁽⁷⁾, các kênh phi chính thức cũng cần được quan tâm, hỗ trợ, hoạch định và quản lý. Quy mô dòng lao động di cư phi chính thức, nhập cảnh bằng các con đường khác nhau và ở lại cư trú bất hợp pháp tại các quốc gia và vùng lãnh thổ hiện nay chưa được thống kê và xác định. Trường hợp lao động Việt Nam tại Thái Lan trong những năm gần đây chủ yếu thực hiện qua các kênh phi chính thức này.

Bên cạnh các nhân tố cầu đẩy nội tại (push) cần kể đến các nhân tố liên quan đến bối cảnh khu vực và các nhân tố cầu kéo của nước tiếp nhận (pull). Cơ sở hạ tầng nối kết các trung tâm kinh tế thông qua sáng kiến Hợp tác kinh tế Tiểu vùng Mê Kông đã chấm dứt sự đứt đoạn vật lý giữa các nước trong vùng, mở ra sự giao thương rộng lớn trên các hành lang kinh tế của khu vực theo thiết kế. Việc các nước thành viên ASEAN thông qua các thỏa thuận quan trọng như Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân (MNP), Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA), hay Thỏa thuận về Công nhận tay nghề tương đương (MRA) đã tạo thuận lợi cho việc tự do di chuyển và quyền tự do làm việc tại các nước trong khu vực. Trong khi đó, Thái Lan với nền kinh tế năng động và lớn trong khu vực trở thành nước nhận người nhập cư lớn nhất khu vực Tiểu vùng Mê Kông, với khoảng 2-4 triệu người (Nguyen và Walsh 2014). Le Duc (2016) phân tích thêm 3 lý do khiến Thái Lan trở nên thu hút đối với lao động Việt Nam hiện tại: (1) thủ tục sang Thái Lan đơn giản và ít tốn kém, không qua trung gian hoặc nếu có người hỗ trợ thì cũng lấy chi phí ít, (2) đi lại thuận tiện, khoảng cách tương đối ngắn nên có thể về nhà trong dịp lễ tết, cưới hỏi, (3) thu nhập cao hơn ở nhà, từ 280-560 USD mỗi tháng.

4.2. Thực trạng

Nghiên cứu của Nguyen và Walsh (2014) chỉ ra rằng đa phần lao động Việt Nam sang Thái Lan làm việc có nguồn gốc từ nông thôn Việt Nam, trong độ tuổi 18-50, có trình độ học vấn thấp (tiểu học và trung học) trong khi không được đào tạo về nghề, và có nhiều phụ nữ tham gia. Nam giới chủ yếu tham gia công việc

xây dựng, bán hàng trên đường phố, phụ nữ làm phục vụ bàn, rửa chén trong các nhà hàng, bảo mẫu, vệ sinh cửa hàng và trường học, trong khi đó khoảng 66% lao động nhập cư nữ ở Bangkok làm việc trong các xưởng may mặc. Lao động Việt Nam được phân làm 3 loại chính: toàn thời gian (thường làm việc hợp đồng tháng cho các *Youn Kao* và *Youn Op Pha Yop*), bán thời gian (lao động theo giờ, có thể cho nhiều chủ trong một ngày), và tự kinh doanh (bán hàng trên đường phố).

Hầu hết lao động Việt Nam ở Thái Lan hiện nay là lao động trái phép nên cũng chịu nhiều thiệt thòi. Ngoài những khoản phải trả làm thủ tục hải quan mỗi khi đến hạn, họ phải trả các khoản khác cho cảnh sát địa phương để có thể làm việc, khoảng 300 baht mỗi tháng, có thể bao gồm thêm các khoản hối lộ khác khi bị hỏi (Le Duc 2016) (xem thêm Hộp 1). Điều đó cũng có nghĩa là các phúc lợi của người lao động được hưởng trở nên xa xỉ.

Hộp 1: Trường hợp vợ chồng anh Ân, chị Hương

Cơ duyên mà vợ chồng anh Ân, chị Hương (huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh) mưu sinh trên đất Thái cũng hết sức tình cờ. Cách đây 6 năm, anh Ân đi du lịch theo đoàn. Sau chuyến đi, anh tách đoàn ở lại. Được vài hôm, anh Ân bị chính quyền địa phương bắt giam vì tội nhập cư bất hợp pháp. Sau khi được thả ra, anh về Việt Nam làm giấy tờ rồi cùng vợ trở lại Thái Lan bằng đường bộ bắt đầu cuộc mưu sinh. Chị Hương tâm sự: “Ông sống ở Sài Gòn hơn 5 năm nhưng chỉ về quê hai lần vào dịp Tết. Lần nào ông muốn về, tôi cũng phải cho tiền để mua vé xe quay lại Sài Gòn. Sang đây cuộc sống tương đối đỡ hơn, mỗi tháng cả hai vợ chồng tích lũy không dưới 5 triệu đồng”. Hai vợ chồng anh Ân, chị Hương là chủ nhân của hai chiếc xe đẩy bán dừa lạnh, trái cây, và kem tươi. Địa điểm bán hàng của anh chị là chùa Trai Mít, nơi hằng ngày có rất đông du khách Việt Nam đến tham quan. Để trở thành người nhập cư hợp pháp có thời hạn trên đất Thái, mỗi tháng vợ chồng anh Ân phải nộp cho chính quyền sở tại 4.900 baht, bao gồm các khoản bảo hiểm, lưu trú, an ninh... Khi đóng tiền, chính quyền sẽ cấp cho một tờ giấy nhỏ, ghi chữ và con số thể hiện tên tuổi, quốc tịch, nơi tạm trú, nghề nghiệp...

(Nguồn: Lao động, ngày 21/9/2013)

4.3. Tác động

Di cư lao động người Việt ở Thái Lan hiện nay, dù cần cơ chế pháp lý để hỗ trợ chính thức hóa, đã có những tác động tích cực ở cấp độ vi mô và vĩ mô. Ở cấp vi mô, người lao động và gia đình của họ có cơ hội đa dạng hóa nguồn thu nhập, nâng cao cuộc sống. Mặt khác, các làng, xã có nhiều người lao động di cư sang Thái cũng được thay đổi diện mạo: “Nhờ sang Thái làm việc mà đời sống nhiều hộ dân ở Hà Tĩnh khá lên. Điển hình là xã Mỹ Lộc, huyện Can Lộc. Trước đây, Mỹ Lộc là xã nghèo nhưng nhờ có con em sang Thái mà đời sống người dân dần đổi thay. Từ một xã chỉ lèo tèo đôi ba nhà ngói, giờ xuất hiện hàng loạt nhà cao tầng khang trang... Cả xã hiện có khoảng 1.400 người đang làm ăn, sinh sống bên đó. Nhiều nhà trước đây không đủ ăn giờ xây được nhà to, mua được cả ô tô” (Người lao động, ngày 07/7/2016). Ở cấp độ vĩ mô, lao động Việt Nam sang Thái Lan giúp

giảm chi phí cho nhiều công việc ít đòi hỏi kỹ năng mà xã hội Thái Lan đang có nhu cầu cao trong khi đó giảm áp lực thất nghiệp và góp phần giảm nghèo, phát triển xã hội ở Việt Nam.

4.4. Kết nối mạng lưới

Le Duc (2016) có một quan sát rất đúng là trong khi đa phần lao động người Việt sang Thái Lan có nguồn gốc từ nông thôn, nghĩa là họ quen với lối sống nhà vườn, nhiều thế hệ, quan hệ làng xã, xã hội rộng mở, chưa kể các buổi cà phê, quán nhậu, thì giờ đây lại sống chật hẹp trong những căn phòng, và thu hẹp các hoạt động xã hội khác. Một nghiên cứu khác của SERC (2010) về lao động Việt Nam tại Thái Lan chỉ ra rằng 1/4 người trả lời nghiên cứu của họ nói rằng họ không hài lòng vì làm việc đến kiệt sức, không nghỉ ngơi đủ, điều kiện sống đông đúc và không thuận lợi, cũng như bị phân biệt đối xử.

Do đó việc kết nối người lao động Việt Nam với Việt kiều đã hòa nhập và có địa vị trong xã hội Thái để được hỗ trợ, trao đổi kinh nghiệm, mở rộng quan hệ xã hội qua các hội,⁽⁸⁾ nhóm cần được thúc đẩy. Trải qua nhiều khó khăn sau hơn 70 năm sinh sống ở Thái Lan qua 4-5 thế hệ, hiện nay, cộng đồng người Việt ở Đông Bắc Thái Lan, với “tổng hành dinh” của Việt kiều Thái là Udon Thani, phát triển mạnh mẽ, thành công trên nhiều lĩnh vực và có địa vị cao trong xã hội (Phan Thị Hồng Xuân 2015). Các hoạt động của Việt kiều tại Thái Lan còn nhằm kết nối và quảng bá văn hóa Việt Nam với các cộng đồng người Thái khác. Các hoạt động tín ngưỡng và tôn giáo, bao gồm cả Phật giáo và Công giáo,⁽⁹⁾ cần được gắn kết và phát triển trong đời sống văn hóa và xã hội của các nhóm di cư.

Việc kết nối người lao động với nhau và với người lao động tiềm năng di cư sang Thái Lan cũng được đẩy mạnh thông qua mạng xã hội như facebook hoặc fan page. Có rất nhiều trang facebook như “Cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan”, “Hội Người Việt ở Thái”, “Hội Đồng hương Hà Tĩnh ở Thái Lan”, “Hiệp hội Công giáo Việt Nam tại Thái Lan”.... Đây không chỉ là những địa chỉ chia sẻ thông tin thường nhật, mà còn giúp giải quyết những tình huống khó khăn, khủng hoảng, hoặc thay đổi chính sách liên quan (xem thêm các ví dụ Le Duc 2016).

Thêm nữa, việc kết nối và phát huy vai trò và đóng góp tích cực của lao động di cư trở về cho Việt Nam cần được quan tâm. Người lao động di cư khi trở về có tác phong, tư duy, kiến thức, kỹ năng, mạng lưới mới cần được hỗ trợ tái hòa nhập, tài chính và các cơ chế hợp lý để có thể phát triển trong các lĩnh vực của họ. Nghiên cứu của ILO, IOM và UN Women (2014) chỉ rõ: “Phần lớn người di cư Việt Nam trở về quay lại với các công việc lao động phổ thông, các công việc mà họ đã làm trước khi di cư và không liên quan đến kỹ năng và kiến thức mà họ tiếp thu được khi làm việc ở nước ngoài. Nguyên nhân là do người lao động trở về không thể áp

dụng được kỹ năng và tác phong làm việc ở nước ngoài vào điều kiện làm việc ở Việt Nam hoặc để khởi sự kinh doanh. Bên cạnh đó, phần lớn người lao động xuất thân từ nông thôn, và do đó họ cần học hỏi các mô hình kinh doanh phù hợp với nông thôn, cũng như các cách thức giải quyết các khó khăn khi kinh doanh trong môi trường này.”

5. Kết luận

Làn sóng di cư của người Việt sang Thái Lan lần thứ tư, đặc trưng bởi di cư lao động, được thúc đẩy bởi các nhân tố cầu đẩy và cầu kéo của phát triển và hội nhập khu vực, của Tiểu vùng Mê Kông, những điều kiện và nhu cầu phát triển của xã hội Việt Nam và sức thu hút của nền kinh tế và xã hội Thái Lan. Giai đoạn đầu của làn sóng di cư lao động này được thực hiện qua kênh phi chính thức nhưng cũng đã có tác động phát triển tích cực ở các cấp vi mô và vĩ mô. Việc triển khai các thỏa thuận hợp tác lao động giữa hai nước trong thời gian tới có thể chuyển làn sóng lao động di dân hiện nay sang một giai đoạn mới cả về số lượng và chất lượng, mang lại lợi ích cho cả hai nước và thúc đẩy sự phát triển của vùng. Đặt di cư và phát triển trong mối tác động qua lại giữa chúng và với bối cảnh quốc gia, khu vực và thế giới cho phép tư duy nghiên cứu và xây dựng chính sách vượt lên các quan điểm cực đoan hoặc lạc quan hoặc bi quan, không thiên vị theo cách tiếp cận tân cổ điển hay cấu trúc-lịch sử. Di cư cần xem xét và tích hợp toàn diện các mặt của phát triển bền vững, bao gồm lao động trẻ em, phát triển phụ nữ, quyền của người lao động và các thành viên gia đình họ, bảo vệ môi trường..., trong đó có tính đến lao động xuyên quốc gia (transnational). Di cư khu vực cần tiếp tục xây dựng các chính sách “đảm bảo cho các kênh di cư trở nên an toàn hơn, dễ quản lý hơn, và minh bạch hơn thông qua việc mở rộng phạm vi của MRA (Thỏa thuận công nhận tay nghề tương đương) để bao gồm cả những lao động tay nghề thấp và trung bình” (ILO và ADB 2014). Thúc đẩy di cư lao động người Việt sang Thái Lan cần chú trọng phát huy mạng lưới quan hệ với lớp người Việt cũ như *Youn Kao* và *Youn Op Pha Yop*, sử dụng mạng xã hội, và xây dựng các cơ chế thúc đẩy vai trò và đóng góp tích cực của lao động di cư trở về cho Việt Nam.

N Q H

CHÚ THÍCH

- (1) “Thái Lan truy quét lao động chui, hàng rong Việt Nam lao đao”, *Thanh niên Online*, ngày 27/5/2016.
- (2) “Thái Lan siết chặt lao động nhập cư”, *Người lao động*, ngày 29/9/2016.
- (3) Có 4 trung tâm và 5 doanh nghiệp được cấp phép đưa lao động Việt Nam sang Thái Lan, bao gồm: Trung tâm Lao động ngoài nước (thuộc Bộ Lao động), Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nghệ An (thuộc Sở Lao động Nghệ An), Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hà Tĩnh (thuộc Sở Lao động Hà Tĩnh), Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Bình (thuộc Sở Lao động Quảng Bình), và các công ty SONA, TTLC, Thịnh Long Corp, Hoàng Long Huresu, VIHATICO.

- (4) Được biết đến như là ngôi làng người Việt.
- (5) Những con đường dẫn người Việt Nam sang Lào, rồi sau đó sang Thái Lan bao gồm: đường số 8 (Nghệ An/Hà Tĩnh - Thakhaek), đường số 12 (Quảng Bình - Thakhaek), và đường số 9 (Quảng Trị/Huế - Muddahan).
- (6) “Dắt nhau sang Thái Lan tìm việc”, *Người lao động*, ngày 07/5/2016, trình bày chi tiết: “Hà Tĩnh là địa phương có lượng người sang Thái Lan mưu sinh lớn. Theo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh, hiện có khoảng 10.000 lao động của tỉnh đang làm việc ở Thái Lan. Trong đó nhiều nhất là huyện Can Lộc với gần 4.000 người; kế đến là Thạch Hà với 2.500 người, Lộc Hà có 2.000 người, Cẩm Xuyên trên 1.000 người.... Thanh Hóa, Quảng Bình, Nghệ An cũng có đông lao động sang Thái. Hằng năm, mỗi địa phương có khoảng 10.000 lượt lao động xuất cảnh.... Trước khi nhập cảnh Thái Lan, người lao động đến các cửa khẩu xin visa lao động ngắn hạn (28 ngày). Việc xin visa khá dễ, chi phí khoảng 70 USD. Mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông Việt Nam tại Thái Lan hiện khoảng 8-10 triệu đồng/tháng; lao động có tay nghề cao gấp 1,5-2 lần. Nhờ dễ dàng xuất cảnh lại có thu nhập khá nên ngày càng có đông người bỏ làng quê để sang Thái Lan.”
- (7) Có 4 hình thức đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài: qua doanh nghiệp dịch vụ hoặc tổ chức sự nghiệp được phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài; qua doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu, đầu tư ra nước ngoài; qua doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc dưới hình thức thực tập sinh nâng cao tay nghề; và đi làm việc theo hợp đồng cá nhân (Cục Lãnh sự 2011).
- (8) Hiện ở tỉnh Udon Thani có 4 tổ chức hội hoạt động, bao gồm: Hội Việt kiều, Hội Doanh nhân Thái-Việt, Hội Người Việt cao tuổi, và Ban quản lý Khu Lịch sử Hồ Chí Minh (Phan Thị Hồng Xuân 2015).
- (9) Hiện có khoảng 20 nhóm Công giáo người Việt sinh hoạt định kỳ tại các quận ở Bangkok và các tỉnh lân cận (Le Duc 2016).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bruneau, Michel. 2009. Lưu động, di cư và nghèo khó ở Đông Nam Á. CNRS, Đại học tổng hợp Bordeaux.
2. Cục Lãnh sự. 2011. Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài. Hà Nội: Bộ Ngoại giao Việt Nam.
3. De Haas, Hein. 2007. Remittances, Migration and Social Development: A Conceptual Review of the Literature. *Social Policy and Development Programme Paper Number 34*. United Nations Research Institute for Social Development.
4. De Haas, Hein. 2010. Migration and Development: A Theoretical Perspective. *International Migration Review* 44(1): 227-264.
5. De Haas, Hein. 2012. The Migration and Development Pendulum: A Critical View on Research and Policy. *International Migration* 50(3): 8-25.
6. ILO và ADB. 2014. Cộng đồng ASEAN 2015: Quản lý hội nhập hướng tới thịnh vượng chung và việc làm tốt hơn. Hà Nội: ILO.
7. ILO, IOM và UN Women. 2014. Tóm tắt thảo luận chính sách: Để người lao động di cư trở về đóng góp tích cực cho Việt Nam. Hà Nội: ILO.
8. Le Duc, Anthony. 2016. The role of social media in community building for illegal Vietnamese migrant workers in Thailand. *Journal of Identity and Migration Studies* 10(1): 4-21.

9. Lê Ngọc Đức. 2015. *Những cơ hội và thách thức cho lao động di dân Việt Nam ở Thái Lan*. <http://giaoxuuantinh.com/giao-xu/nhung-co-hoi-va-thach-do-cho-lao-dong-di-dan-viet-nam-tai-thai-lan-845.html>.
10. Nguyen, Nancy Huyen và Walsh, John. 2014. Vietnamese Migrant Workers in Thailand - Implications for Leveraging Migration for Development. *Journal of Identity and Migration Studies* 8(1): 68-93.
11. Phan Thị Hồng Xuân. 2015. The role and status of the Vietnamese community in Thailand: The case study of the Vietnamese people in Udon Thani. Faculty of Anthropology, the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University-Ho Chi Minh City, Vietnam.
12. Poole, Peter A. 1970. *The Vietnamese in Thailand: A historical perspective*. Ithaca: Cornell University Press.
13. SERC. 2010. A Comparative Picture of Migration in Laos, Myanmar, Cambodia, Vietnam and Thailand: Summary. www.SERCASIA.com.
14. Sripana, Thanyathip. 2004. The Vietnamese in Thailand: A cultural bridge in Thai-Vietnamese relationship. *Journal of Science, Social Science and Humanities, Vietnam National University* 3E: 49-64.
15. Sripana, Thanyathip. 2013. Tracing Hồ Chí Minh's Sojourn in Siam. *Southeast Asian Studies* 2(3): 527-558.
16. Wise, Raúl Delgado và Humberto Márquez Covarrubias. 2009. Understanding the relationship between Migration and development: Toward a New Theoretical Approach. *Social Analysis* 53(3): 85-105.

TÓM TẮT

Làn sóng di cư người Việt sang Thái Lan lần thứ tư bắt đầu trong những năm gần đây với đặc trưng là lao động di cư từ các tỉnh miền Trung Việt Nam. Việc đẩy mạnh hợp tác trong lao động giữa hai nước không chỉ là mở ra cánh cửa xuất khẩu lao động cho Việt Nam, mà còn có thể là một giải pháp tiến tới chấm dứt tình trạng lao động bất hợp pháp cũng như bảo vệ quyền lợi của người lao động di cư. Bài viết này cố gắng kết nối các vấn đề di cư, lao động di cư với các vấn đề về phát triển. Trên nền tảng lý thuyết đó, thông qua phân tích trường hợp nghiên cứu lao động di cư Việt Nam ở Thái Lan, bài viết đưa ra những gợi ý chính sách và hướng nghiên cứu trong thời gian đến.

ABSTRACT

IMMIGRATION AND DEVELOPMENT: VIETNAMESE MIGRANT WORKERS IN THAILAND

The last few years have witnessed the forth immigration wave of Vietnamese to Thailand: labour migration from Central Vietnam. Strengthening labour cooperation between the two countries would not only open the new gate for Vietnamese labour migration abroad, but also address the current trend of illegal labour migration as well as protect the rights of migrant workers. This paper attempts to integrate migration, labour migrants abroad into development issues. Grounded on such a conceptual framework and through the analysis of Vietnamese migrant workers in Thailand, this paper highlights recommendations for policy planning and research direction for the future.